THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2022/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân thành phố

Hải Phòng, Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ tại các Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cụ thể như sau:

a) Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha trên địa bàn thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội;

b) Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha trên địa bàn tỉnh Nghệ An quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021;

c) Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021;

d) Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha trên địa bàn thành phố Cần Thơ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn thành phố Hải Phòng, thành phố Cần Thơ, tỉnh Nghệ An và tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Điều kiện chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư

1. Dự án đầu tư có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

2. Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt và các quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Đã được chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật mà văn bản chấp thuận còn hiệu lực đến thời điểm đề xuất; đối với dự án phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

4. Có Phương án trồng rừng thay thế và đảm bảo kinh phí trồng rừng thay thế được xác định trong tổng mức đầu tư của dự án đối với dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế hoặc phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

Điều 3. Đề nghị chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất

1. Căn cứ quy định tại Điều 2 Quyết định này, nhà đầu tư, chủ đầu tư dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất đăng ký nhu cầu sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Đối với trường hợp dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 huyện trở lên thì chủ đầu tư, nhà đầu tư đăng ký trực tiếp với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện dự án.

2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các tổ chức có nhu cầu sử dụng đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có đất lấy ý kiến theo quy định sau:

a) Nội dung lấy ý kiến bao gồm:

- Vị trí, quy mô sử dụng đất của dự án đầu tư;

- Ảnh hưởng đối với người có đất bị thu hồi (đời sống, việc làm, chuyển đổi nghề);

- Tác động của việc chuyển mục đích sử dụng đất đến cộng đồng dân cư.

b) Hình thức lấy ý kiến:

- Lấy ý kiến trực tiếp người có đất bị thu hồi, cộng đồng dân cư thông qua đại diện của điểm dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể ở địa phương nơi có đất chuyển mục đích;

- Lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có đất chuyển mục đích.

c) Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức có nhu cầu sử dụng đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất để tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến và lập hồ sơ đề nghị chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm có:

a) Tờ trình Hội đồng nhân dân về việc chuyển mục đích sử dụng đất gồm các thông tin cơ bản sau:

- Sự cần thiết và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất;

- Sự phù hợp của việc chuyển mục đích sử dụng đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quyết định, phê duyệt;

- Việc đáp ứng điều kiện và việc tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan khi chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Danh mục dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.

c) Trích lục bản đồ khu vực chuyển mục đích sử dụng đất có xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định việc chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Nội dung thẩm định gồm:

a) Nhu cầu, sự cần thiết của việc chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Sự phù hợp của việc chuyển mục đích sử dụng đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quyết định, phê duyệt và các quy hoạch khác có liên quan;

c) Việc đáp ứng điều kiện và việc tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan khi chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điều 2 của Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức thẩm định thông qua hội đồng thẩm định hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giải trình, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận.

Điều 5. Quyết định chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Danh mục dự án chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất;

c) Trích lục bản đồ khu vực chuyển mục đích sử dụng đất có xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường;

d) Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, thẩm định.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Sau khi có văn bản chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 1 Quyết định này;

c) Tổng kết việc thực hiện Quyết định và gửi báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã gửi hồ sơ hợp lệ theo quy định đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai trước ngày Nghị quyết của Quốc hội cho phép thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Quyết định này được thực hiện cho đến khi các Nghị quyết số 35/2021/QH15, số 36/2021/QH15, số 37/2021/QH15 và số 45/2022/QH15 hết hiệu lực.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Quốc hội cho phép thí điểm một số cơ chế chính sách, đặc thù có liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…/…	*..., ngày… tháng… năm…*

TỜ TRÌNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha trên địa bàn... để thực hiện dự án [1]

Kính gửi: Hội đồng nhân dân dân tỉnh/thành phố...

Theo nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng của các huyện/quận/thành phố/thị xã; kết quả đối chiếu sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương... kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương... xem xét, thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án, cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp luật để trình Hội đồng nhân dân...

Căn cứ quy định tại[2], Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương... kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương... ban hành Nghị quyết về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha trên địa bàn.....

[1] Ghi đơn vị hành chính nơi có đất và ghi tên dự án lấy vào đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

[2] Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội hoặc khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội.

2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn

a) Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng và đất rừng phòng hộ được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt [3]

…

b) Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ [4]

- Những kết quả đạt được

(Theo bảng 01, 02 kèm theo Tờ trình)

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Nội dung trình xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố...

a) Đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án.

- Căn cứ đề xuất việc chuyển mục đích sử dụng đất

+ Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án.

+ Căn cứ pháp lý của việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

+ Sự phù hợp của việc sử dụng đất thực hiện dự án về vị trí, diện tích, loại đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Sự phù hợp của việc sử dụng đất thực hiện dự án với quy hoạch các ngành, lĩnh vực khác.

- Đề nghị chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất

STT	**Tên dự án**	**Vị trí thực hiện dự án[5]**	**Diện tích đất thực hiện dự án (ha)**	**Trong đó**			**Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)**
				Đất trồng lúa (ha)	**Đất rừng phòng hộ (ha)**	**Đất rừng đặc dụng (ha)**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dự án A						
2	Dự án B						
	...						

[3] Ghi lần lượt và cụ thể đối với từng loại đất chuyển mục đích sử dụng.

[4] Đánh giá kết quả thực hiện đối với từng loại đất so với chỉ tiêu được duyệt và cụ thể đối với từng loại đất chuyển mục đích sử dụng.

[5] Vị trí thực hiện xác định theo bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện ...

- Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố... chấp thuận, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố... có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

.....

b) Nội dung khác (nếu có):

.....

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố... trình Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
-
-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH